

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Nhật Quang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh
Bà Vũ Thị Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Ngọc A, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn T, xã TA, thị xã Q, tỉnh Q; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* An, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn T, xã TA, thị xã Q, tỉnh Q; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Ngọc A trình bày:

Chị và anh Ngô Văn C tự nguyện kết hôn vào ngày 26/11/2018, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã Q, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã TA, thị xã Q, tỉnh Q. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 cho

đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn C không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Ngô Văn C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Q đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Ngô Văn C nhiều lần, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, thông báo kết quả cho bị đơn, và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh C vắng mặt không có lý do.

Quá trình xác minh tại Thôn T, xã TA, đại diện thôn cho biết: Chị Bùi Ngọc A và anh Ngô Văn C kết hôn ngày 26/11/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã Q, tỉnh Q. Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại Thôn T, xã TA, thị xã Q. Quá trình chung sống do không hợp nhau về quan điểm sống nên cả hai nảy sinh bất đồng và sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị A yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chị A và anh C không có con chung.

Kết quả xác minh tại gia đình anh C, bà Bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh C cho biết: Chị A và anh C tự nguyện kết hôn ngày 26/11/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã Q, tỉnh Q. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm rạn nứt. Gia đình đã động viên, khuyên giải cho cả hai nhưng không hòa giải được mâu thuẫn. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị A; về con chung: Anh C và chị A không có con chung.

Tại phiên tòa chị A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn chị trình bày vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Ngọc A, giải quyết cho chị A ly hôn với anh Ngô Văn C. Về con chung: Chị Bùi Ngọc A và

anh Ngô Văn C không có con chung nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Ngô Văn C, có địa chỉ tại Thôn T, xã TA, thị xã Q, tỉnh Q, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Q. Bị đơn anh Ngô Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Bùi Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc A và anh Ngô Văn C tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã Q, tỉnh Q ngày 26/11/2018. Nên hôn nhân giữa chị A và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A và anh C chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị A và anh C cũng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt. Trong quá trình giải quyết, chị A kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Như vậy, hôn nhân giữa chị A và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là vợ chồng sống yêu thương nhau, cùng nhau chăm lo, xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, cả hai không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, giải quyết cho chị A được ly hôn với anh C là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh C không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc A được ly hôn với anh Ngô Văn C.

2. Về con chung: Chị A và anh C không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001874 ngày 13/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Ngọc A và bị đơn anh Ngô Văn C đều vắng mặt. Chị A, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- VKSND tỉnh Q.Ninh;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- UBND xã TA, thị xã Q;
- Lưu: HS vụ án, VP.

Phạm Nhật Quang